|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM**Năm học: 2022 – 2023 | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****MÔN: HÓA HỌC 8****Thời gian làm bài: 45 phút** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của học sinh về các nội dung:

 ***Chương 5:*** Nước; Axit – bazơ – muối

 ***Chương 6:*** Dung dịch (Dung dịch; độ tan của một chất trong nước; nồng độ dung dịch)

**2. Phát triển năng lực**

Kiểm tra các năng lực

|  |  |
| --- | --- |
| **Năng lực chung** | **Năng lực chuyên biệt** |
| - Năng lực giải quyết vấn đề.- Năng lực tự học. | - Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học.- Năng lực thực hành hóa học.- Năng lực tính toán.- Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn Hóa học. |

**3. Phẩm chất**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân, phát triển các phẩm chất: trung thực, trách nhiệm.

**II. KHUNG MA TRẬN** (Đính kèm trang sau)

**1. Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì II (hết tuần học thứ 32) khi kết thúc nội dung: Nồng độ dung dịch (chương 6)

**2. Thời gian làm bài:** 45 phút.

**3. Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).

**4. Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:40% nhận biết; 30% thông hiểu; 20% vận dụng; 10% vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 20 câu hỏi mỗi câu 0,25 điểm (nhận biết: 16 câu, hiểu: 2 câu, vận dụng cao: 2 câu)

+ Phần tự luận: 5,0 điểm (Hiểu: 2 ý – 2,5 điểm; vận dụng: 3 ý – 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 ý – 0,5 điểm).

**III. BẢN ĐẶC TẢ** (Đính kèm trang sau)

**IV. ĐỀ KIỂM TRA** (Đính kèm trang sau)

**V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM CHI TIẾT** (Đính kèm trang sau)

**II. KHUNG MA TRẬN**

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu/ý** | **Điểm số** | **Tỉ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1. Nước** | 3 |  |  | 2 |  | 2 |  | 1 | 3 | 5 | 4,75 | 47,5 |
| **2. Axit–bazơ–muối** | 5 |  |  |  |  |  | 1 |  | 6 |  | 1,5 | 15 |
| **3. Dung dịch**  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 0,5 | 5 |
| **4. Độ tan của một**  **chất trong nước** | 5 |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  | 1,25 | 12,5 |
| **5. Nồng độ**  **dung dịch** | 1 |  | 2 |  |  | 1 | 1 |  | 4 | 1 | 2 | 20 |
| **Số câu TN/****Số ý TL** | **16** |  | **2** | **2** |  | **3** | **2** | **1** | **20** | **6** | **10,0** | **100%** |
| **Điểm số** | **4,0** | **0** | **0,5** | **2,5** | **0** | **2,0** | **0,5** | **0,5** | **5,0** | **5,0** | **10,0** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** | **100%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | **100%** | **100%** |

**III. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung****kiến thức** | **Mức độ****kiến thức** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số****câu hỏi** | **Vị trí****câu hỏi** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Nước** | Nhận biết | Thành phần hóa học của nước | 1 |  | C1 |  |
| Tính chất hóa học của nước | 2 |  | C2;C3 |  |
| Thông hiểu | Phương trình thể hiện TCHH của nước |  | 2 |  | C21;C23a |
| Vận dụng | Tính theo PTHH |  | 1 |  | C23b |
| VDC | Giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (bảo vệ nguồn nước) |  | 1 |  | C24 |
| **Axit-Bazơ-Muối** | Nhận biết | Nhận biết axit, bazơ | 1 |  | C4 |  |
| Thành phần, cấu tạo | 2 |  | C5;C8 |  |
| Công thức, tên gọi | 2 |  | C6;C7 |  |
| VDC | Nhận biết axit-bazơ-muối  | 1 |  | C19 |  |
| **Dung dịch** | Nhận biết | Sự tạo thành dung dịch, vai trò của các chất tạo thành dung dịch | 2 |  | C9;C10 |  |
| **Độ tan của một chất trong nước** | Nhận biết | Chất tan, chất không tan, khái niệm độ tan | 2 |  | C11;C15 |  |
| Những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của chất rắn | 1 |  | C13 |  |
| Tính tan của bazơ, muối | 2 |  | C12;C14 |  |
| **Nồng độ dung dịch** | Nhận biết | Ý nghĩa nồng độ mol/l | 1 |  | C16 |  |
| Thông hiểu | Ý nghĩa nồng độ phần trăm | 1 |  | C17 |  |
| Yếu tố ảnh hưởng đến nồng độ dung dịch | 1 |  | C18 |  |
| Vận dụng | Tính nồng độ mol/l của dung dịch |  | 1 |  | C22 |
| Tính khối lượng chất tan trong dung dịch |  | 1 |  | C23c |
| VDC | Tính nồng độ mol/l của dung dịch | 1 |  | C20 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-1** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về thể tích để tạo thành nước?

 **A**. 2 thể tích H2 và 3 thể tích O2. **B**. 2 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

 **C**. 1 thể tích H2 và 2 thể tích O2. **D**. 1 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

**Câu 2.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A**. Ca, Mg. **B**. Cu, Ag. **C**. Ba, Al. **D.** Na, K.

**Câu 3.** Cho phương trình hóa học sau: SO3 + H2O -> X. X là

 **A**. H2SO4. **B**. H2S. **C**. H2SiO3. **D**. H2SO3.

**Câu 4.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển đỏ?

 **A**. K2SO4.                    **B**. HCl.                          **C**. NaOH.                      **D**. NaCl.

**Câu 5.** Gốc axit của axit clohiđric (HCl) có hóa trị mấy?

 **A**. II. **B**. III. **C**. I. **D**. IV.

**Câu 6.** Công thức hóa học của bạc clorua là

 **A**. AgCl2. **B**. Ag2Cl. **C**. Ag2Cl3. **D**. AgCl.

**Câu 7.** Tên gọi của NaOH là

 **A**. Natri oxit. **B**. Natri hiđroxit. **C**. Natri (I) hiđroxit. **D**. Natri hiđrua.

**Câu 8.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A**. NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3. **B**. NaHCO3, MgCO3, BaCO3.

 **C**. NaOH, ZnCl2, FeCl2. **D**. NaCl, HNO3, BaSO4.

**Câu 9.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A**. Nước và đường. **B**. Dầu ăn và xăng. **C**. Rượu và nước. **D**. Dầu ăn và nước.

**Câu 10.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A**. rượu là chất tan và nước là dung môi. **B**. nước là chất tan và rượu là dung môi.

 **C**. nước và rượu đều là chất tan. **D**. nước và rượu đều là dung môi.

**Câu 11.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A**. 100 g dung dịch.

 **B**. 100 g nước.

 **C**. 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **D**. 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 12.** Bazơ nào **không** tan trong nước?

 **A**. Cu(OH)2. **B**. NaOH. **C**. Ba(OH)2. **D**. KOH.

**Câu 13.** Khi tăng nhiệt độ thì độ tan của chất rắn trong nước thay đổi như thế nào?

 **A**. Đều tăng. **B**. Đều giảm. **C**. Phần lớn tăng. **D**. Phần lớn giảm.

**Câu 14.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A**. NaCl. **B**. K2SO4. **C**. Fe(NO3)3. **D**. CaCO3.

**Câu 15.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A**. Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **B**. Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

 **C**. Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **D**. Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

**Câu 16.** Nồng độ mol của dung dịch cho biết

 **A**. số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch. **B.** số gam chất tan có trong 1 lít dung môi.

 **C**. số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số mol chất tan có trong 1 lít dung môi.



**Câu 17.** Thông số 0,9% ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

**A.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **B.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

**Câu 18.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A**. Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **B**. Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **C**. Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D**. Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

**Câu 19.** Cho các dung dịch không màu: HCl; H2SO4; NaOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A**. 1.                   **B.** 2. **C**. 3.                          **D**. 4.

**Câu 20.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A**. 9,5M. **B**. 2,25M. **C**. 2,83M. **D**. 4,50M.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2  H2O  H2SO4 H2

 (4)

 NaOH

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 14,9 gam muối kali clorua (KCl) vào nước thu được 200 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 19,3 gam hỗn hợp gồm Na và Na2O tác dụng với lượng nước dư thu được 3,36 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; Na=23; Cl=35,5; K=39)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-101** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** nước là chất tan và rượu là dung môi. **B.** nước và rượu đều là dung môi.

 **C.** rượu là chất tan và nước là dung môi. **D.** nước và rượu đều là chất tan.

**Câu 2.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

**Câu 3.** Cho các dung dịch không màu: HCl; H2SO4; NaOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 3. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 2.

**Câu 4.** Khi tăng nhiệt độ thì độ tan của chất rắn trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Đều tăng. **B.** Phần lớn tăng. **C.** Đều giảm. **D.** Phần lớn giảm.

**Câu 5.** Cho phương trình hóa học sau: SO3 + H2O -> X. X là

 **A.** H2SiO3. **B.** H2SO4. **C.** H2SO3. **D.** H2S.

**Câu 6.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Dầu ăn và xăng. **B.** Dầu ăn và nước. **C.** Rượu và nước. **D.** Nước và đường.

**Câu 7.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **B.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **C.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

 **D.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

**Câu 8.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **B.** NaOH, ZnCl2, FeCl2.

 **C.** NaCl, HNO3, BaSO4. **D.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3.



**Câu 9.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **B.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

 **D.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

**Câu 10.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** NaCl. **B.** Fe(NO3)3. **C.** CaCO3. **D.** K2SO4.

**Câu 11.** Bazơ nào **không** tan trong nước?

 **A.** Ba(OH)2. **B.** KOH. **C.** NaOH. **D.** Cu(OH)2.

**Câu 12.** Tên gọi của NaOH là

 **A.** Natri (I) hiđroxit. **B.** Natri oxit. **C.** Natri hiđrua. **D.** Natri hiđroxit.

**Câu 13.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **B.** 100 g dung dịch.

 **C.** 100 g nước.

 **D.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 14.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 9,5M. **B.** 4,50M. **C.** 2,83M. **D.** 2,25M.

**Câu 15.** Nồng độ mol của dung dịch cho biết

 **A.** số mol chất tan có trong 1 lít dung môi. **B.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch.

 **C.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số gam chất tan có trong 1 lít dung môi.

**Câu 16.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Ca, Mg. **B.** Na, K. **C.** Ba, Al. **D.** Cu, Ag.

**Câu 17.** Gốc axit của axit clohiđric (HCl) có hóa trị mấy?

 **A.** IV. **B.** II. **C.** I. **D.** III.

**Câu 18.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển đỏ?

 **A.** NaOH. **B.** NaCl. **C.** HCl. **D.** K2SO4.

**Câu 19.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về thể tích để tạo thành nước?

 **A.** 1 thể tích H2 và 1 thể tích O2. **B.** 2 thể tích H2 và 3 thể tích O2.

 **C.** 1 thể tích H2 và 2 thể tích O2. **D.** 2 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

**Câu 20.** Công thức hóa học của bạc clorua là

 **A.** AgCl2. **B.** Ag2Cl3. **C.** Ag2Cl. **D.** AgCl.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2  H2O  H2SO4 H2

 (4)

 NaOH

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 14,9 gam muối kali clorua (KCl) vào nước thu được 200 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 19,3 gam hỗn hợp gồm Na và Na2O tác dụng với lượng nước dư thu được 3,36 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; Na=23; Cl=35,5; K=39)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-102** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8****Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung dịch.

 **B.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **C.** 100 g nước.

 **D.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 2.** Tên gọi của NaOH là

 **A.** Natri hiđroxit. **B.** Natri (I) hiđroxit. **C.** Natri oxit. **D.** Natri hiđrua.

**Câu 3.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **B.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

 **C.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **D.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

**Câu 4.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Dầu ăn và xăng. **B.** Dầu ăn và nước. **C.** Rượu và nước. **D.** Nước và đường.

**Câu 5.** Cho phương trình hóa học sau: SO3 + H2O -> X. X là

 **A.** H2SO3. **B.** H2SiO3. **C.** H2SO4. **D.** H2S.

**Câu 6.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về thể tích để tạo thành nước?

 **A.** 1 thể tích H2 và 1 thể tích O2. **B.** 2 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

 **C.** 1 thể tích H2 và 2 thể tích O2. **D.** 2 thể tích H2 và 3 thể tích O2.

**Câu 7.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 4,50M. **B.** 2,25M. **C.** 9,5M. **D.** 2,83M.

**Câu 8.** Bazơ nào **không** tan trong nước?

 **A.** KOH. **B.** Ba(OH)2. **C.** Cu(OH)2. **D.** NaOH.

**Câu 9.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Cu, Ag. **B.** Na, K. **C.** Ca, Mg. **D.** Ba, Al.

**Câu 10.** Gốc axit của axit clohiđric (HCl) có hóa trị mấy?

 **A.** II. **B.** III. **C.** IV. **D.** I.

**Câu 11.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** CaCO3. **B.** K2SO4. **C.** Fe(NO3)3. **D.** NaCl.

**Câu 12.** Nồng độ mol của dung dịch cho biết

 **A.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch. **B.** số gam chất tan có trong 1 lít dung môi.

 **C.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số mol chất tan có trong 1 lít dung môi.

**Câu 13.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển đỏ?

 **A.** K2SO4. **B.** NaOH. **C.** NaCl. **D.** HCl.

**Câu 14.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** nước và rượu đều là dung môi. **B.** nước là chất tan và rượu là dung môi.

 **C.** rượu là chất tan và nước là dung môi. **D.** nước và rượu đều là chất tan.

**Câu 15.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaOH, ZnCl2, FeCl2. **B.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3.

 **C.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **D.** NaCl, HNO3, BaSO4.

**Câu 16.** Cho các dung dịch không màu: HCl; H2SO4; NaOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 3. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 4.

**Câu 17.** Khi tăng nhiệt độ thì độ tan của chất rắn trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Phần lớn giảm. **B.** Đều giảm. **C.** Phần lớn tăng. **D.** Đều tăng.



**Câu 18.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **B.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

**Câu 19.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

**Câu 20.** Công thức hóa học của bạc clorua là

 **A.** AgCl2. **B.** Ag2Cl. **C.** AgCl. **D.** Ag2Cl3.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2  H2O  H2SO4 H2

 (4)

 NaOH

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 14,9 gam muối kali clorua (KCl) vào nước thu được 200 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 19,3 gam hỗn hợp gồm Na và Na2O tác dụng với lượng nước dư thu được 3,36 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; Na=23; Cl=35,5; K=39)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-103** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8****Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Nồng độ mol của dung dịch cho biết

 **A.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch. **B.** số mol chất tan có trong 1 lít dung môi.

 **C.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số gam chất tan có trong 1 lít dung môi.

**Câu 2.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **B.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **C.** 100 g dung dịch.

 **D.** 100 g nước.

**Câu 3.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 9,5M. **B.** 2,83M. **C.** 2,25M. **D.** 4,50M.

**Câu 4.** Cho phương trình hóa học sau: SO3 + H2O -> X. X là

 **A.** H2SiO3. **B.** H2SO3. **C.** H2S. **D.** H2SO4.

**Câu 5.** Gốc axit của axit clohiđric (HCl) có hóa trị mấy?

 **A.** II. **B.** I. **C.** IV. **D.** III.

**Câu 6.** Cho các dung dịch không màu: HCl; H2SO4; NaOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

**Câu 7.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Rượu và nước. **B.** Nước và đường. **C.** Dầu ăn và nước. **D.** Dầu ăn và xăng.

**Câu 8.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** nước và rượu đều là dung môi. **B.** nước và rượu đều là chất tan.

 **C.** nước là chất tan và rượu là dung môi. **D.** rượu là chất tan và nước là dung môi.

**Câu 9.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển đỏ?

 **A.** HCl. **B.** NaOH. **C.** NaCl. **D.** K2SO4.

**Câu 10.** Công thức hóa học của bạc clorua là

 **A.** AgCl2. **B.** Ag2Cl. **C.** AgCl. **D.** Ag2Cl3.

**Câu 11.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **B.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

 **C.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **D.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

**Câu 12.** Tên gọi của NaOH là

 **A.** Natri hiđroxit. **B.** Natri hiđrua. **C.** Natri oxit. **D.** Natri (I) hiđroxit.

**Câu 13.** Bazơ nào **không** tan trong nước?

 **A.** NaOH. **B.** Ba(OH)2. **C.** KOH. **D.** Cu(OH)2.

**Câu 14.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Ca, Mg. **B.** Na, K. **C.** Ba, Al. **D.** Cu, Ag.

**Câu 15.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về thể tích để tạo thành nước?

 **A.** 2 thể tích H2 và 1 thể tích O2. **B.** 1 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

 **C.** 2 thể tích H2 và 3 thể tích O2. **D.** 1 thể tích H2 và 2 thể tích O2.

**Câu 16.** Khi tăng nhiệt độ thì độ tan của chất rắn trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Phần lớn giảm. **B.** Phần lớn tăng. **C.** Đều giảm. **D.** Đều tăng.

**Câu 17.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **B.** NaOH, ZnCl2, FeCl2.

 **C.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3. **D.** NaCl, HNO3, BaSO4.

**Câu 18.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

**Câu 19.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** K2SO4. **B.** NaCl. **C.** Fe(NO3)3. **D.** CaCO3.



**Câu 20.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

 **B.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **D.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2  H2O  H2SO4 H2

 (4)

 NaOH

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 14,9 gam muối kali clorua (KCl) vào nước thu được 200 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 19,3 gam hỗn hợp gồm Na và Na2O tác dụng với lượng nước dư thu được 3,36 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; Na=23; Cl=35,5; K=39)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-104** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Cu, Ag. **B.** Na, K. **C.** Ca, Mg. **D.** Ba, Al.

**Câu 2.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** nước và rượu đều là dung môi. **B.** nước và rượu đều là chất tan.

 **C.** nước là chất tan và rượu là dung môi. **D.** rượu là chất tan và nước là dung môi.

**Câu 3.** Công thức hóa học của bạc clorua là

 **A.** Ag2Cl3. **B.** AgCl2. **C.** AgCl. **D.** Ag2Cl.

**Câu 4.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Rượu và nước. **B.** Dầu ăn và xăng. **C.** Dầu ăn và nước. **D.** Nước và đường.

**Câu 5.** Khi tăng nhiệt độ thì độ tan của chất rắn trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Đều tăng. **B.** Phần lớn giảm. **C.** Phần lớn tăng. **D.** Đều giảm.

**Câu 6.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **B.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3.

 **C.** NaCl, HNO3, BaSO4. **D.** NaOH, ZnCl2, FeCl2.

**Câu 7.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **B.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

 **C.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

 **D.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

**Câu 8.** Tên gọi của NaOH là

 **A.** Natri hiđrua. **B.** Natri hiđroxit. **C.** Natri oxit. **D.** Natri (I) hiđroxit.

**Câu 9.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

**Câu 10.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung dịch.

 **B.** 100 g nước.

 **C.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **D.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 11.** Nồng độ mol của dung dịch cho biết

 **A.** số mol chất tan có trong 1 lít dung môi. **B.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch.

 **C.** số gam chất tan có trong 1 lít dung môi. **D.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch.

**Câu 12.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** K2SO4. **B.** CaCO3. **C.** NaCl. **D.** Fe(NO3)3.

**Câu 13.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 2,25M. **B.** 2,83M. **C.** 9,5M. **D.** 4,50M.

**Câu 14.** Gốc axit của axit clohiđric (HCl) có hóa trị mấy?

 **A.** III. **B.** I. **C.** IV. **D.** II.

**Câu 15.** Bazơ nào **không** tan trong nước?

 **A.** Ba(OH)2. **B.** NaOH. **C.** KOH. **D.** Cu(OH)2.

**Câu 16.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển đỏ?

 **A.** K2SO4. **B.** HCl. **C.** NaOH. **D.** NaCl.



**Câu 17.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **B.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

**Câu 18.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về thể tích để tạo thành nước?

 **A.** 2 thể tích H2 và 3 thể tích O2. **B.** 2 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

 **C.** 1 thể tích H2 và 2 thể tích O2. **D.** 1 thể tích H2 và 1 thể tích O2.

**Câu 19.** Cho các dung dịch không màu: HCl; H2SO4; NaOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 1.

**Câu 20.** Cho phương trình hóa học sau: SO3 + H2O -> X. X là

 **A.** H2SO4. **B.** H2SO3. **C.** H2SiO3. **D.** H2S.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2  H2O  H2SO4 H2

 (4)

 NaOH

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 14,9 gam muối kali clorua (KCl) vào nước thu được 200 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 19,3 gam hỗn hợp gồm Na và Na2O tác dụng với lượng nước dư thu được 3,36 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; Na=23; Cl=35,5; K=39)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-2** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về khối lượng để tạo thành nước?

 **A**. 8 phần hiđro và 1 phần oxi. **B**. 2 phần hiđro và 1 phần oxi.

 **C**. 4 phần hiđro và 3 phần oxi. **D**. 1 phần hiđro và 8 phần oxi.

**Câu 2.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A**. Al, K. **B**. Na, Mg. **C**. Ca, Al. **D**. Na, Ca.

**Câu 3.** Cho sơ đồ phản ứng sau: Na2O + H2O --> X. X là

 **A**. Na2OH. **B**. NaOH. **C**. Na(OH)2. **D**. NaO.

**Câu 4.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển xanh?

 **A**. K2SO4.                    **B**. H2SO4.                       **C**. Ca(OH)2.                  **D**. NaCl.

**Câu 5.** Gốc axit của axit sunfuric (H2SO4) có hóa trị mấy?

 **A**. II. **B**. III. **C**. I. **D**. IV.

**Câu 6.** Công thức hóa học của canxi hiđrocacbonat là

 **A**. Ca(HCO3)2 **B**. CaCO3. **C**. CaHCO3 **D**. CaH2CO3.

**Câu 7.** Tên gọi của H2SO3 là

 **A**. hiđro sunfua. **B.** axit sunfuric. **C**. axit sunfuhiđric. **D**. axit sunfurơ.

**Câu 8.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A**. NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3. **B**. NaHCO3, MgCO3, BaCO3.

 **C**. NaOH, ZnCl2, FeCl2. **D**. NaCl, HNO3, BaSO4.

**Câu 9.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A**. Nước và đường. **B**. Dầu ăn và xăng. **C**. Rượu và nước. **D**. Dầu ăn và nước.

**Câu 10.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A**. rượu là chất tan và nước là dung môi. **B**. nước là chất tan và rượu là dung môi.

 **C**. nước và rượu đều là chất tan. **D**. nước và rượu đều là dung môi.

**Câu 11.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A**. 100 g dung dịch. **B**. 100 g nước.

 **C**. 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà. **D**. 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 12.** Axit **không** tan trong nước là

 **A**. HCl. **B**. H2SO4. **C**. H2SiO3. **D**. H3­PO4.

**Câu 13.** Khi tăng nhiệt độ và giảm áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

 **A**. Tăng **B**. Giảm

 **C**. Có thể tăng hoặc giảm  **D**. Không thay đổi

**Câu 14.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A**. NaCl. **B**. K2SO4. **C**. Fe(NO3)3. **D**. CaCO3.

**Câu 15.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A**. Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **B**. Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

 **C**. Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **D**. Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

**Câu 16.** (Biết) Nồng độ phần trăm của dung dịch cho biết

 **A**. số gam chất tan có trong 100g dung môi. **B.** số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

 **C**. số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D**. số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch.



**Câu 17.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

**A.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **B.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

**Câu 18.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A**. Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **B**. Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **C**. Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D**. Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

**Câu 19.** Cho các dung dịch không màu: H2SO4; NaOH; KOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A**. 1.                   **B.** 2. **C**. 3.                          **D**. 4.

**Câu 20.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A**. 9,5M. **B**. 2,25M. **C**. 2,83M. **D**. 4,50M.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2 H2O  H2SO4 H2

 (4)

 Ba(OH)2

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 17,4 gam muối kali sunfat (K2SO4) vào nước thu được 500 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 36,65 gam hỗn hợp gồm Ba và BaO tác dụng với lượng nước dư thu được 2,24 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; S=32; K=39; Ba=137)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-201** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Nước và đường. **B.** Dầu ăn và xăng. **C.** Rượu và nước. **D.** Dầu ăn và nước.

**Câu 2.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaOH, ZnCl2, FeCl2. **B.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3.

 **C.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3. **D.** NaCl, HNO3, BaSO4.

**Câu 3.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về khối lượng để tạo thành nước?

 **A.** 8 phần hiđro và 1 phần oxi. **B.** 2 phần hiđro và 1 phần oxi.

 **C.** 4 phần hiđro và 3 phần oxi. **D.** 1 phần hiđro và 8 phần oxi.

**Câu 4.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** Fe(NO3)3. **B.** CaCO3. **C.** K2SO4. **D.** NaCl.

**Câu 5.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 4,50M. **B.** 2,83M. **C.** 2,25M. **D.** 9,5M.

**Câu 6.** Khi tăng nhiệt độ và giảm áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Giảm **B.** Tăng

 **C.** Có thể tăng hoặc giảm **D.** Không thay đổi



**Câu 7.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **B.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

**Câu 8.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển xanh?

 **A.** Ca(OH)2. **B.** H2SO4. **C.** NaCl. **D.** K2SO4.

**Câu 9.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung dịch.

 **B.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **C.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **D.** 100 g nước.

**Câu 10.** Cho sơ đồ phản ứng sau: Na2O + H2O --> X. X là

 **A.** NaO. **B.** Na2OH. **C.** NaOH. **D.** Na(OH)2.

**Câu 11.** Công thức hóa học của canxi hiđrocacbonat là

 **A.** CaH2CO3. **B.** CaHCO3 **C.** CaCO3. **D.** Ca(HCO3)2

**Câu 12.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Ca, Al. **B.** Al, K. **C.** Na, Mg. **D.** Na, Ca.

**Câu 13.** Gốc axit của axit sunfuric (H2SO4) có hóa trị mấy?

 **A.** IV. **B.** II. **C.** III. **D.** I.

**Câu 14.** Nồng độ phần trăm của dung dịch cho biết

 **A.** số gam chất tan có trong 100g dung dịch. **B.** số gam chất tan có trong 100g dung môi.

 **C.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch.

**Câu 15.** Tên gọi của H2SO3 là

 **A.** axit sunfurơ. **B.** hiđro sunfua. **C.** axit sunfuric. **D.** axit sunfuhiđric.

**Câu 16.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **B.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **D.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

**Câu 17.** Axit **không** tan trong nước là

 **A.** HCl. **B.** H2SO4. **C.** H2SiO3. **D.** H3­PO4.

**Câu 18.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **B.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **C.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

 **D.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

**Câu 19.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** nước và rượu đều là chất tan. **B.** rượu là chất tan và nước là dung môi.

 **C.** nước và rượu đều là dung môi. **D.** nước là chất tan và rượu là dung môi.

**Câu 20.** Cho các dung dịch không màu: H2SO4; NaOH; KOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 3. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 2.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2 H2O  H2SO4 H2

 (4)

 Ba(OH)2

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 17,4 gam muối kali sunfat (K2SO4) vào nước thu được 500 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 36,65 gam hỗn hợp gồm Ba và BaO tác dụng với lượng nước dư thu được 2,24 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; S=32; K=39; Ba=137)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-202** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển xanh?

 **A.** NaCl. **B.** Ca(OH)2. **C.** H2SO4. **D.** K2SO4.

**Câu 2.** Axit **không** tan trong nước là

 **A.** H2SiO3. **B.** H3­PO4. **C.** HCl. **D.** H2SO4.

**Câu 3.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** CaCO3. **B.** Fe(NO3)3. **C.** NaCl. **D.** K2SO4.

**Câu 4.** Khi tăng nhiệt độ và giảm áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Tăng **B.** Không thay đổi

 **C.** Có thể tăng hoặc giảm **D.** Giảm

**Câu 5.** (Biết) Nồng độ phần trăm của dung dịch cho biết

 **A.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch. **B.** số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

 **C.** số gam chất tan có trong 100g dung môi. **D.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch.

**Câu 6.** Cho sơ đồ phản ứng sau: Na2O + H2O --> X. X là

 **A.** Na(OH)2. **B.** Na2OH. **C.** NaOH. **D.** NaO.

**Câu 7.** Cho các dung dịch không màu: H2SO4; NaOH; KOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 2. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 8.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **B.** NaOH, ZnCl2, FeCl2.

 **C.** NaCl, HNO3, BaSO4. **D.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3.



**Câu 9.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **B.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

**Câu 10.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g nước.

 **B.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **C.** 100 g dung dịch.

 **D.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 11.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **D.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

**Câu 12.** Gốc axit của axit sunfuric (H2SO4) có hóa trị mấy?

 **A.** I. **B.** III. **C.** IV. **D.** II.

**Câu 13.** Tên gọi của H2SO3 là

 **A.** axit sunfuhiđric. **B.** axit sunfuric. **C.** axit sunfurơ. **D.** hiđro sunfua.

**Câu 14.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** rượu là chất tan và nước là dung môi. **B.** nước và rượu đều là chất tan.

 **C.** nước và rượu đều là dung môi. **D.** nước là chất tan và rượu là dung môi.

**Câu 15.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Nước và đường. **B.** Dầu ăn và nước. **C.** Rượu và nước. **D.** Dầu ăn và xăng.

**Câu 16.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **B.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **C.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

 **D.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

**Câu 17.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 4,50M. **B.** 2,83M. **C.** 9,5M. **D.** 2,25M.

**Câu 18.** Công thức hóa học của canxi hiđrocacbonat là

 **A.** Ca(HCO3)2 **B.** CaHCO3 **C.** CaH2CO3. **D.** CaCO3.

**Câu 19.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Al, K. **B.** Na, Ca. **C.** Na, Mg. **D.** Ca, Al.

**Câu 20.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về khối lượng để tạo thành nước?

 **A.** 8 phần hiđro và 1 phần oxi. **B.** 2 phần hiđro và 1 phần oxi.

 **C.** 1 phần hiđro và 8 phần oxi. **D.** 4 phần hiđro và 3 phần oxi.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2 H2O  H2SO4 H2

 (4)

 Ba(OH)2

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 17,4 gam muối kali sunfat (K2SO4) vào nước thu được 500 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 36,65 gam hỗn hợp gồm Ba và BaO tác dụng với lượng nước dư thu được 2,24 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; S=32; K=39; Ba=137)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-203** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** NaCl. **B.** CaCO3. **C.** Fe(NO3)3. **D.** K2SO4.

**Câu 2.** Khi tăng nhiệt độ và giảm áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Tăng **B.** Có thể tăng hoặc giảm

 **C.** Giảm **D.** Không thay đổi

**Câu 3.** Gốc axit của axit sunfuric (H2SO4) có hóa trị mấy?

 **A.** II. **B.** I. **C.** III. **D.** IV.

**Câu 4.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về khối lượng để tạo thành nước?

 **A.** 2 phần hiđro và 1 phần oxi. **B.** 1 phần hiđro và 8 phần oxi.

 **C.** 8 phần hiđro và 1 phần oxi. **D.** 4 phần hiđro và 3 phần oxi.

**Câu 5.** Cho sơ đồ phản ứng sau: Na2O + H2O --> X. X là

 **A.** Na(OH)2. **B.** NaOH. **C.** Na2OH. **D.** NaO.

**Câu 6.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung dịch.

 **B.** 100 g nước.

 **C.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **D.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

**Câu 7.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển xanh?

 **A.** K2SO4. **B.** Ca(OH)2. **C.** H2SO4. **D.** NaCl.

**Câu 8.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

 **B.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **C.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

 **D.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

**Câu 9.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaCl, HNO3, BaSO4. **B.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3.

 **C.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **D.** NaOH, ZnCl2, FeCl2.



**Câu 10.** Thông số **0,9%** ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

 **B.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

 **D.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

**Câu 11.** Axit **không** tan trong nước là

 **A.** H3­PO4. **B.** HCl. **C.** H2SiO3. **D.** H2SO4.

**Câu 12.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

 **C.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **D.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

**Câu 13.** Công thức hóa học của canxi hiđrocacbonat là

 **A.** Ca(HCO3)2 **B.** CaCO3. **C.** CaH2CO3. **D.** CaHCO3

**Câu 14.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** rượu là chất tan và nước là dung môi. **B.** nước và rượu đều là dung môi.

 **C.** nước là chất tan và rượu là dung môi. **D.** nước và rượu đều là chất tan.

**Câu 15.** Tên gọi của H2SO3 là

 **A.** axit sunfuric. **B.** axit sunfurơ. **C.** hiđro sunfua. **D.** axit sunfuhiđric.

**Câu 16.** (Biết) Nồng độ phần trăm của dung dịch cho biết

 **A.** số gam chất tan có trong 100g dung môi. **B.** số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

 **C.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch.

**Câu 17.** Cho các dung dịch không màu: H2SO4; NaOH; KOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 4. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 2.

**Câu 18.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Dầu ăn và xăng. **B.** Rượu và nước. **C.** Nước và đường. **D.** Dầu ăn và nước.

**Câu 19.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Ca, Al. **B.** Al, K. **C.** Na, Ca. **D.** Na, Mg.

**Câu 20.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 4,50M. **B.** 2,25M. **C.** 2,83M. **D.** 9,5M.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2 H2O  H2SO4 H2

 (4)

 Ba(OH)2

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 17,4 gam muối kali sunfat (K2SO4) vào nước thu được 500 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 36,65 gam hỗn hợp gồm Ba và BaO tác dụng với lượng nước dư thu được 2,24 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; S=32; K=39; Ba=137)**

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD-ĐT QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS THANH AM****Năm học: 2022 – 2023****HH8-CKII-204** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II****Môn: Hóa học 8** **Thời gian: 45 phút**Ngày thi: 27/4/2023 |

**A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)** Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 1.** Công thức hóa học của canxi hiđrocacbonat là

 **A.** Ca(HCO3)2 **B.** CaHCO3 **C.** CaH2CO3. **D.** CaCO3.

**Câu 2.** Nồng độ của dung dịch tăng nhanh nhất khi nào?

 **A.** Giảm lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **B.** Tăng lượng chất tan đồng thời tăng lượng dung môi.

 **C.** Tăng lượng chất tan đồng thời giảm lượng dung môi.

 **D.** Tăng lượng chất tan đồng thời giữ nguyên lượng dung môi.

**Câu 3.** Ở nhiệt độ xác định, độ tan của một chất trong nước là số gam chất đó tan được trong

 **A.** 100 g dung môi để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **B.** 100 g nước để tạo thành dung dịch bão hoà.

 **C.** 100 g nước.

 **D.** 100 g dung dịch.

**Câu 4.** Axit **không** tan trong nước là

 **A.** HCl. **B.** H2SO4. **C.** H3­PO4. **D.** H2SiO3.

**Câu 5.** Trộn 2 lít dung dịch HCl 4 M vào 1 lít dung dịch HCl 0,5 M. Nồng độ mol của dung dịch sau trộn là:

 **A.** 9,5M. **B.** 4,50M. **C.** 2,25M. **D.** 2,83M.

**Câu 6.** Khi hoà tan 10 ml rượu etylic vào 100 ml nước thì

 **A.** nước và rượu đều là chất tan. **B.** nước là chất tan và rượu là dung môi.

 **C.** nước và rượu đều là dung môi. **D.** rượu là chất tan và nước là dung môi.

**Câu 7.** Cho các dung dịch không màu: H2SO4; NaOH; KOH; NaCl đựng trong các lọ mất nhãn. Chỉ dùng quỳ tím có thể nhận biết được bao nhiêu chất?

 **A.** 1. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

**Câu 8.** Kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là

 **A.** Al, K. **B.** Ca, Al. **C.** Na, Mg. **D.** Na, Ca.

**Câu 9.** Cho sơ đồ phản ứng sau: Na2O + H2O --> X. X là

 **A.** NaOH. **B.** Na2OH. **C.** NaO. **D.** Na(OH)2.

**Câu 10.** Dãy chất nào gồm các muối trung hòa?

 **A.** NaCl, HNO3, BaSO4. **B.** NaCl, MgSO4, Fe(NO3)3.

 **C.** NaHCO3, MgCO3, BaCO3. **D.** NaOH, ZnCl2, FeCl2.

**Câu 11.** Hiđro và oxi đã hóa hợp theo tỉ lệ nào về khối lượng để tạo thành nước?

 **A.** 1 phần hiđro và 8 phần oxi. **B.** 2 phần hiđro và 1 phần oxi.

 **C.** 4 phần hiđro và 3 phần oxi. **D.** 8 phần hiđro và 1 phần oxi.

**Câu 12.** Tên gọi của H2SO3 là

 **A.** axit sunfuhiđric. **B.** hiđro sunfua. **C.** axit sunfuric. **D.** axit sunfurơ.

**Câu 13.** Hai chất nào **không** thể hòa tan với nhau tạo thành dung dịch?

 **A.** Rượu và nước. **B.** Dầu ăn và xăng. **C.** Dầu ăn và nước. **D.** Nước và đường.

**Câu 14.** Khi tăng nhiệt độ và giảm áp suất thì độ tan của chất khí trong nước thay đổi như thế nào?

 **A.** Không thay đổi **B.** Giảm

 **C.** Tăng **D.** Có thể tăng hoặc giảm

**Câu 15.** Thông số 0,9% ghi trên lọ nước muối sau có ý nghĩa gì?

 **A.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam dung dịch.

 **B.** Có 0,9 mol NaCl trong 1 lit dung dịch.

 **C.** Có 0,9 gam NaCl trong 10 ml dung dịch.

 **D.** Có 0,9 gam NaCl trong 100 gam nước.

**Câu 16.** Gốc axit của axit sunfuric (H2SO4) có hóa trị mấy?

 **A.** III. **B.** I. **C.** IV. **D.** II.

**Câu 17.** Chất nào **không** tan trong nước?

 **A.** K2SO4. **B.** Fe(NO3)3. **C.** NaCl. **D.** CaCO3.

**Câu 18.** Dung dịch nào làm quì tím chuyển xanh?

 **A.** K2SO4. **B.** Ca(OH)2. **C.** NaCl. **D.** H2SO4.

**Câu 19.** Phát biểu nào **không** đúng?

 **A.** Có chất không tan và có chất tan trong nước.

 **B.** Có chất tan nhiều, có chất tan ít trong nước.

 **C.** Dung môi là chất bị hòa tan trong nước.

 **D.** Dung dịch là hỗn hợp đồng chất của chất tan và dung môi.

**Câu 20.** (Biết) Nồng độ phần trăm của dung dịch cho biết

 **A.** số gam chất tan có trong 100g dung môi. **B.** số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

 **C.** số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch. **D.** số gam chất tan có trong 1 lít dung dịch.

**B. TỰ LUẬN (5,0 điểm)** Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra được phát.

**Câu 21 (2 điểm):** Viết các phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau.

 H2 H2O  H2SO4 H2

 (4)

 Ba(OH)2

**Câu 22 (1,0 điểm):** Hoà tan 17,4 gam muối kali sunfat (K2SO4) vào nước thu được 500 ml dung dịch. Tính nồng độ mol của dung dịch.

**Câu 23 (1,5 điểm):** Cho 36,65 gam hỗn hợp gồm Ba và BaO tác dụng với lượng nước dư thu được 2,24 lít khí hiđro (ở đktc).

a. Viết PTHH xảy ra.

b. Tính khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu.

c. Tính khối lượng chất tan trong dung dịch sau phản ứng.

**Câu 24 (0,5 điểm):** Như các con đã biết, nước là nguồn tài nguyên quý giá và cần thiết đối với sức khỏe con người. Hiện nay có rất nhiều yếu tố làm cho môi trường nước sạch bị cạn kiệt và ô nhiễm. Khi sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm sẽ gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, ung thư…

 Với vai trò là một học sinh, con hãy đề xuất 03 biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch.

**(Cho: H=1; O=16; S=32; K=39; Ba=137)**

**HẾT**

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM – ĐỀ SỐ 1**

**A. Trắc nghiệm (20 câu – 5,0 điểm; 0,25đ/1 câu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1B** | **2D** | **3A** | **4B** | **5C** | **6D** | **7B** | **8A** | **9D** | **10A** |
| **11D** | **12A** | **13C** | **14D** | **15D** | **16C** | **17D** | **18B** | **19B** | **20C** |

**B. Tự luận (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **21****(2,0đ)** | Mỗi PTHH đúng: 0,5 điểm | **4 x 0,5** |
| **22****(1,0đ)** | nKCl = = 0,2 mol🡪 CM,KCl =  | **0,5****0,5** |
| **23****(1,5đ)** |  = 3,36 : 22,4 = 0,15 mol; a, - Viết đúng PTHHb, - Tính đúng khối lượng mỗi chất c, - Tính đúng số mol NaOH - Tính đúng khối lượng NaOH  | **0,25 x 2****0,25 x 2****0,25****0,25** |
| **24****(0,5đ)** | ***Một số biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch là:***- Nâng cao ý thức, trách nhiệm cộng đồng (tuyên truyền với mọi người vai trò của nước, những hậu quả khi nguồn nước bị ô nhiễm…)- Giữ sạch cho nguồn nước (không vứt rác thải bừa bãi, không phóng uế bừa bãi…)- Tiết kiệm nước sạch. | **- 2 ý đúng/****0,25 điểm****- 3 ý đúng/****0,5 điểm** |

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM – ĐỀ SỐ 1**

**A. Trắc nghiệm (20 câu – 5,0 điểm; 0,25đ/1 câu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **101** | C | A | D | B | B | B | C | D | C | C | D | D | D | C | B | B | C | C | D | D |
| **102** | B | A | B | B | C | B | D | C | B | D | A | A | D | C | B | C | C | D | A | C |
| **103** | C | B | B | D | B | A | C | D | A | C | B | A | D | B | A | B | C | D | D | A |
| **104** | B | D | C | C | C | B | C | B | A | D | D | B | B | B | D | B | C | B | B | A |

**B. Tự luận (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **21****(2,0đ)** | Mỗi PTHH đúng: 0,5 điểm | **4 x 0,5** |
| **22****(1,0đ)** | nKCl = = 0,2 mol🡪 CM,KCl =  | **0,5****0,5** |
| **23****(1,5đ)** |  = 3,36 : 22,4 = 0,15 mol; a, - Viết đúng PTHHb, - Tính đúng khối lượng mỗi chất c, - Tính đúng số mol NaOH - Tính đúng khối lượng NaOH  | **0,25 x 2****0,25 x 2****0,25****0,25** |
| **24****(0,5đ)** | ***Một số biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch là:***- Nâng cao ý thức, trách nhiệm cộng đồng (tuyên truyền với mọi người vai trò của nước, những hậu quả khi nguồn nước bị ô nhiễm…)- Giữ sạch cho nguồn nước (không vứt rác thải bừa bãi, không phóng uế bừa bãi…)- Tiết kiệm nước sạch. | **- 2 ý đúng/****0,25 điểm****- 3 ý đúng/****0,5 điểm** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu**Ký duyệt**Lê Thị Ngọc Anh** | **Tổ/nhóm chuyên môn**Ký duyệt**Khổng Thu Trang** | **Người lập****Nguyễn Thị Hồng** |

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM ĐỀ SỐ 2**

**A. Trắc nghiệm (20 câu – 5,0 điểm; 0,25đ/1 câu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1D** | **2D** | **3B** | **4C** | **5A** | **6A** | **7D** | **8A** | **9D** | **10A** |
| **11D** | **12C** | **13B** | **14D** | **15D** | **16B** | **17D** | **18B** | **19B** | **20C** |

**B. Tự luận (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **21****(2,0đ)** | Mỗi PTHH đúng: 0,5 điểm | **4 x 0,5** |
| **22****(1,0đ)** | nK2SO4 = = 0,1 mol🡪 CM,KCl =  | **0,5****0,5** |
| **23****(1,5đ)** |  = 3,36 : 22,4 = 0,15 mol; a, - Viết đúng PTHHb, - Tính đúng khối lượng mỗi chất c, - Tính đúng số mol NaOH - Tính đúng khối lượng NaOH  | **0,25 x 2****0,25 x 2****0,25****0,25** |
| **24****(0,5đ)** | ***Một số biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch là:***- Nâng cao ý thức, trách nhiệm cộng đồng (tuyên truyền với mọi người vai trò của nước, những hậu quả khi nguồn nước bị ô nhiễm- Giữ sạch cho nguồn nước (không vứt rác thải bừa bãi, không phóng uế bừa bãi…)- Tiết kiệm nước sạch. | **- 2 ýđúng/****0,25 điểm****- 3 ý đúng/****0,5 điểm** |

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM ĐỀ SỐ 2**

**A. Trắc nghiệm (20 câu – 5,0 điểm; 0,25đ/1 câu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **201** | D | C | D | B | B | A | D | A | C | C | D | D | B | A | A | C | C | D | B | D |
| **202** | B | A | A | D | B | C | A | D | B | D | B | D | C | A | B | C | B | A | B | C |
| **203** | B | C | A | B | B | D | B | D | B | C | C | A | A | A | B | B | D | D | C | C |
| **204** | A | C | B | D | D | D | C | D | A | B | A | D | C | B | A | D | D | B | C | B |

**B. Tự luận (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **21****(2,0đ)** | Mỗi PTHH đúng: 0,5 điểm | **4 x 0,5** |
| **22****(1,0đ)** | nK2SO4 = = 0,1 mol🡪 CM,KCl =  | **0,5****0,5** |
| **23****(1,5đ)** |  = 3,36 : 22,4 = 0,15 mol; a, - Viết đúng PTHHb, - Tính đúng khối lượng mỗi chất c, - Tính đúng số mol NaOH - Tính đúng khối lượng NaOH  | **0,25 x 2****0,25 x 2****0,25****0,25** |
| **24****(0,5đ)** | ***Một số biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch là:***- Nâng cao ý thức, trách nhiệm cộng đồng (tuyên truyền với mọi người vai trò của nước, những hậu quả khi nguồn nước bị ô nhiễm- Giữ sạch cho nguồn nước (không vứt rác thải bừa bãi, không phóng uế bừa bãi…)- Tiết kiệm nước sạch. | **- 2 ýđúng/****0,25 điểm****- 3 ý đúng/****0,5 điểm** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu**Ký duyệt**Lê Thị Ngọc Anh** | **Tổ/nhóm chuyên môn**Ký duyệt**Khổng Thu Trang** | **Người lập****Nguyễn Thị Hồng** |